

Số: 43/2021/QĐST-HNGĐ

K, ngày 04 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2021 giữa:
Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1994; ĐKKHKT: Tổ 2, phố K, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tạm trú: Thôn 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Trần Trung N, sinh năm 1992; ĐKKHKT: Tổ 2, phố K, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tạm trú: Xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23/4/2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23/4/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Thu T với anh Trần Trung N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Trung N thỏa thuận vợ chồng ly hôn chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trần Gia N1, sinh ngày 29/6/2015; anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trần Gia L, sinh ngày 12/8/2012. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000^d nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/4407 ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Chị T còn được nhận lại 150.000^d trong tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND thị trấn P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh